

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2017
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Thư

2, Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tống Lan Hương

- Đại diện VKSND TP. Bắc Giang: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Số A, đường M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: Phòng C, tầng 2 chợ T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Số Z, đường M, P. M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang.

(Chị X có mặt, anh H vắng mặt- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2017, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đỗ Thị X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2007 tại UBND phường M, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng

gia đình chồng tại số Z, phường M, thành phố B, đến cuối năm 2012 thì vợ chồng thuê nhà ở riêng tại chợ T. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Từ khoảng tháng 10/2016 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân chính là do anh H nghiện ma túy nhiều năm không bỏ được gây thiệt hại về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi nhau ảnh hưởng đến tinh thần của chị và tâm lý của các con. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2017 nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trà G sinh ngày 13/01/2008 và Nguyễn Trà M sinh ngày 17/01/2017. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/10/2017 thì bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND phường M, TP. B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh tại số Z, phường M, TP. B, đến khoảng năm 2012-2013 thì thuê nhà ở tại chợ T, TP. B. Thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, nguyên nhân là do anh nghiện ma túy nhiều năm, không cai nghiện được. Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trà G sinh ngày 13/01/2008 và Nguyễn Trà M sinh ngày 17/01/2017. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị X. Anh đồng ý để chị X nuôi dưỡng cả 2 con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

* Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Trà G ngày 10/11/2017, cháu G trình bày: Hiện cháu đang ở cùng mẹ, cháu đang học lớp 4A, trường Tiểu học M, phường M, thành phố B. Bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Giao hai con chung là Nguyễn Trà G sinh ngày 13/01/2008 và Nguyễn Trà M sinh ngày 17/01/2017 cho chị X nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết do chị X không yêu cầu.

- Về tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh H.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị X và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 16/3/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là cuộc hôn nhân hợp pháp (theo Điều 8, Điều 9- Luật hôn nhân và gia đình). Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do anh H nghiện ma túy nhiều năm không cai nghiện được và do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân được một thời gian. Anh H đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng từ ngày 05/9/2017. Anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Đỗ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn H (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trà G sinh ngày 13/01/2008 và Nguyễn Trà M sinh ngày 17/01/2017. Hai cháu đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Cả chị X và anh H đều thống nhất để chị X nuôi dưỡng cả hai con sau khi vợ chồng ly hôn, cháu G cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để các cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao cả hai cháu cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Đỗ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Trà G sinh ngày 13/01/2008 và Nguyễn Trà M sinh ngày 17/01/2017 cho chị Đỗ Thị X nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/06300 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị X đã thi hành xong phần án phí DSST.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9- Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP. B;
- CCTHA dân sự TP;
- Các đương sự;
- UBND phường M, TP.B, tỉnh BG;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Chuyên